

Số: 5852/2024/QĐST-LĐ

Thủ Đức, ngày 31 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Lê Thị Minh

*Thư ký phiên họp:* Bà Lưu Thị Ngọc Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp:* Bà Trịnh Thị T - Kiểm sát viên

Ngày 31/12/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 276/2024/TLST-LĐ ngày 22/10/2024 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp số 10238 /2024/QĐST-LĐ ngày 16/12/2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Ông Vũ Mạnh H, sinh năm 1985 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Thôn V, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ tạm trú: 36 Đường D, Khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn M (Có đơn xin vắng mặt)

Trụ sở: Lô G Đường D, Khu chế xuất L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Hoài T1 (Giấy ủy quyền số 02/2024/GUQ-MNG ngày 26/12/2024)

2. Ông Doãn Văn Y, sinh năm 1975 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Thôn V, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

Địa chỉ tạm trú: 36 Đường D, Khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

\* Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai, ông Vũ Mạnh H trình bày:

Từ tháng 7/2006 đến tháng 02/2007, ông H cho ông Doãn Văn Y, sinh năm 1975, hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang mượn chứng minh nhân dân của ông H để vào làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn M (gọi tắt: Công ty M), trụ sở: Lô G Đường D, Khu chế xuất L, phường L,

thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi ký kết hợp đồng lao động, Công ty M đã đóng bảo hiểm xã hội cho ông Y với tên Vũ Mạnh H theo số sổ 0206260271 từ tháng 7/2006 cho đến tháng 02/2007.

Tháng 9 năm 2024, ông H đến cơ quan bảo hiểm xã hội để thực hiện việc lãnh bảo hiểm xã hội một lần thì được thông báo hồ sơ bảo hiểm xã hội của ông H, số sổ 0206331345 trùng tên và trùng thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 7/2006 đến tháng 02/2007 với hồ sơ bảo hiểm số 0206260271 của ông Doãn Văn Y tại Công ty M.

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Vũ Mạnh H và Công ty M trong khoảng thời gian từ tháng 7/2006 đến tháng 02/2007 là vô hiệu do người tham gia ký hợp đồng lao động là ông Doãn Văn Y, không phải là ông Vũ Mạnh H. Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Doãn Văn Y trình bày:

Từ tháng 7/2006, ông Y có mượn chứng minh nhân dân của ông Vũ Mạnh H để ký kết hợp đồng lao động và vào làm việc tại Công ty M. Công ty M đã đóng bảo hiểm xã hội theo mã số sổ: 0206260271 trong khoảng thời gian từ tháng 7/2006 đến tháng 02/2007. Sau đó, ông Y đã nghỉ việc tại công ty và chưa chốt sổ bảo hiểm xã hội. Nay ông Y cũng thống nhất với yêu cầu của ông H và không có yêu cầu gì.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn M có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty M xác nhận từ tháng 7/2006 đến tháng 02/2007, công ty có ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội cho ông Vũ Mạnh H với mã số sổ: 0206260271. Việc ông H cho ông Doãn Văn Y mượn chứng minh nhân dân để ký hợp đồng lao động thì công ty không biết. Công ty không có ý kiến và yêu cầu gì với ông H. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Ngoài việc vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong vụ án, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Mạnh H về việc tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Vũ Mạnh H và Công ty M trong khoảng thời gian từ tháng 7/2006 đến tháng 02/2007 là vô hiệu.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Hợp đồng lao động được ký kết và thực hiện giữa Công ty M và người lao động ông Vũ Mạnh H tại trụ sở của công ty ở địa chỉ: Lô G Đường D, Khu chế xuất L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí

Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người yêu cầu ông Vũ Mạnh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Doãn Văn Y, Công ty M có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập thể hiện, ông Vũ Mạnh H đã cùng lúc ký hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 doanh nghiệp là Công ty Trách nhiệm hữu hạn M và Công ty Trách nhiệm hữu hạn C với 02 sổ sổ bảo hiểm xã hội như sau:

+ Sổ sổ bảo hiểm xã hội thứ 1: 0206260271 được Công ty Trách nhiệm hữu hạn M, trụ sở: Lô G Đường D, Khu chế xuất L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh đóng từ tháng 7/2006 đến tháng 02/2007.

+ Sổ sổ bảo hiểm xã hội thứ 2: 0206331345 được Công ty Trách nhiệm hữu hạn C, địa chỉ: Lô A, Khu chế xuất L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh đóng từ tháng 9/2006 đến tháng 02/2007.

Việc trùng tên và trùng thời gian đóng bảo hiểm như trên là xuất phát từ việc ông H đã cho ông Doãn Văn Y sử dụng chứng minh nhân dân của ông H để ký kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty M trong khoảng thời gian từ tháng 7/2006 đến tháng 02/2007. Như vậy, chủ thể ký kết và thực hiện hợp đồng lao động trong trường hợp này với công ty là ông Doãn Văn Y, không phải là ông Vũ Mạnh H. Việc ông Y sử dụng thông tin cá nhân của ông H để ký kết hợp đồng lao động với Công ty M là vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động trên vô hiệu là có cơ sở nên được chấp nhận.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Vũ Mạnh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 367, Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 1, Khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Mạnh H.

Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Vũ Mạnh H và Công ty Trách nhiệm hữu hạn M, trụ sở: Lô G Đường D, Khu chế xuất L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh trong khoảng thời gian từ tháng 7/2006 đến tháng 02/2007 là vô hiệu.

2. Về lệ phí sơ thẩm: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300,000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Vũ Mạnh H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 0044521 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ lệ phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ông Vũ Mạnh H, ông Doãn Văn Y, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Minh**